TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 01 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Bà Đặng Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 531/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 160/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Vũ P, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, bà và ông Nguyễn Vũ P tổ chức lễ cưới năm 1998 và đăng ký kết hôn ngày 14/01/2013 tại Ủy ban nhân dân B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 24 năm, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P không chí thú làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc ăn thua bằng tiền và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mặc dù, bà và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ ông P nhưng không đạt kết quả,

dẫn đến mất hạnh phúc. Nên bà và ông P sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà và ông P có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Thanh P1, sinh ngày 07/4/1999 và Nguyễn Ngọc Phương A, sinh ngày 21/01/2013. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, yêu cầu ông P cấp hưỡng cho cháu A hàng tháng số tiền 3.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Riêng cháu P1 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, đã tham gia lao động tự nuôi sống được bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Vũ P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông P đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà H trình bày, giữ nguyên yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông P, rút lại yêu cầu ông P cấp dưỡng cho cháu A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và phạm vi giải quyết: Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 188, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy:

[2.1] Bà H rút lại yêu cầu ông P cấp dưỡng cho cháu A hàng tháng số tiền 3.000.000 đồng là tự nguyện, được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[2.2] Ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con như nhận định giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà H, ông P là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc là do ông P không chí thú làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc ăn thua bằng tiền, không thủy chung, không quan tâm, chăm sóc vợ con, bỏ mặc đời sống chung của vợ chồng, là vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa - nghĩa vụ vợ chồng. Bà H và ông P có thời gian dài sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với ông P. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết gì khác đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Căn cứ vào lời trình bày của bà H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa bà H và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa bà H và ông P.

[2] Về con chung và nuôi con: Xét cháu A đã trên 12 tuổi, nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết gì khác đối với yêu cầu của bà H. Để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của cháu A. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu A cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết bà H phải chịu án phí giải quyết ly hôn

số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Vũ P.

2. Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương A, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2013 cho bà Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Đình chỉ xét xử yêu cầu ông Nguyễn Vũ P cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc Phương A.

2.3. Ông Nguyễn Vũ P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số No 0014595 ngày 04 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt bà Trần Thị H, vắng mặt ông Nguyễn Vũ P. Báo cho bà H có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông P vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã Bình Ninh: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân